

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY
DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG
NGHIỆP CIE1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2026

Số: 01-2026/ĐKMT

*V/v: Đăng ký môi trường cho dự
án đầu tư, cơ sở*

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1 (“Công ty”) là chủ đầu tư của dự án “Nhà máy sản xuất các thiết bị chất lượng cao phụ vụ thi công” thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ trụ sở: Lô 22 + 23, khu công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 01221000372
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2500303038
- Người đại diện theo pháp luật: Tạ Đình Lân – Tổng giám đốc
- Điện thoại: 02438182859

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1 đăng ký môi trường cho dự án “Nhà máy sản xuất các thiết bị chất lượng cao phụ vụ thi công” với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về dự án đầu tư, cơ sở:

- Tên dự án đầu tư, cơ sở: Nhà máy sản xuất các thiết bị chất lượng cao phụ vụ thi công
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư, cơ sở: Lô 22 + 23, khu công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Nhà xưởng tại lô đất trên có diện tích 30.912 m², được Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1 thuê lại của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng & Thiết bị Công nghiệp theo Hợp đồng cho thuê đất số B09/2008HĐTĐ/CIECorp-CIE1 ngày 08/09/2008, có thời hạn đến hết ngày 01/07/2043.

Phía trước tiếp giáp với đường khu công nghiệp.

Phía sau tiếp giáp với đường khu công nghiệp.

Bên trái tiếp giáp với Công ty TNHH Cơ khí Mạnh Quang.

Bên phải tiếp giáp với đường khu công nghiệp.

- Nguồn vốn thực hiện dự án đầu tư: Vốn tự có của chủ đầu tư và vốn vay tín dụng.
- Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: dự án đã đi vào hoạt động.

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

- Quy mô; công suất; công nghệ và loại hình sản xuất của dự án đầu tư, cơ sở:
 - + Quy mô, công suất: Sản xuất chế tạo cơ khí công suất 990 tấn sản phẩm/năm.
 - + Công nghệ: Trung Quốc, Nhật Bản.
 - + Loại hình dự án: 100% vốn đầu tư trong nước.

2. Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của dự án đầu tư, cơ sở:

a. Nguyên liệu, hóa chất phục vụ hoạt động sản xuất của dự án đầu tư, cơ sở.

Bảng 1: Danh mục nguyên vật liệu sử dụng

STT	Tên nguyên liệu	Nguồn gốc
1.	Thép tấm 0.8mm	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
2.	Thép tấm 1.5mm	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
3.	Thép tấm 2.0mm	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
4.	Thép tấm 3.0mm	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
5.	Thép tấm 4.0mm	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
6.	Thép tấm 5.0mm	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
7.	Thép tấm 6.0mm	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
8.	Thép tấm 8.0mm	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
9.	Thép hình H	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
10.	Thép hình I	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
11.	Thép hình U	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
12.	Thép góc V	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
13.	Thép hộp vuông	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
14.	Thép hộp chữ nhật	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
15.	Thép tròn đặc	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam
16.	Bu lông, đai ốc	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Trung Quốc
17.	Sơn	Mua tại Việt Nam. Xuất xứ Việt Nam

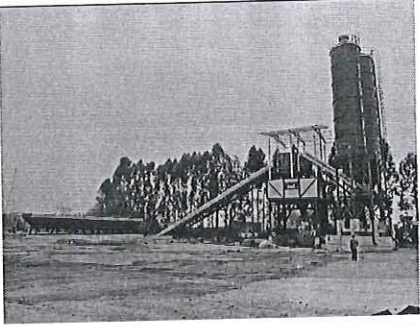
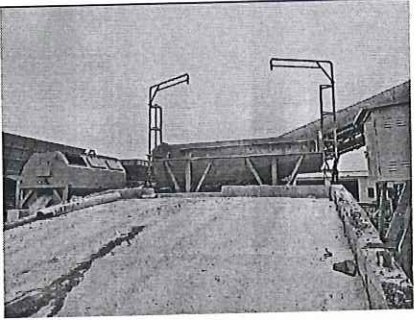
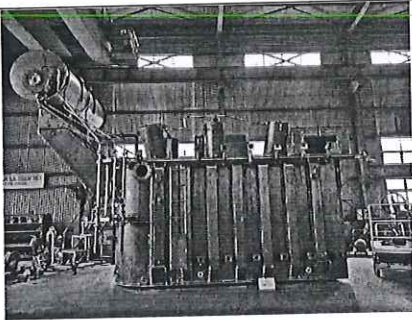
b. Nhiên liệu sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất

- Nhu cầu sử dụng điện: khoảng 30.000 KW/tháng dùng cho sản xuất và sinh hoạt. Nguồn điện được cấp bởi Khu công nghiệp.
- Nhu cầu nước: trung bình 350 m³/tháng dùng cho sinh hoạt. Nguồn nước được cung cấp bởi nguồn nước sạch của Khu công nghiệp
- Quá trình sản xuất không dùng nước.

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

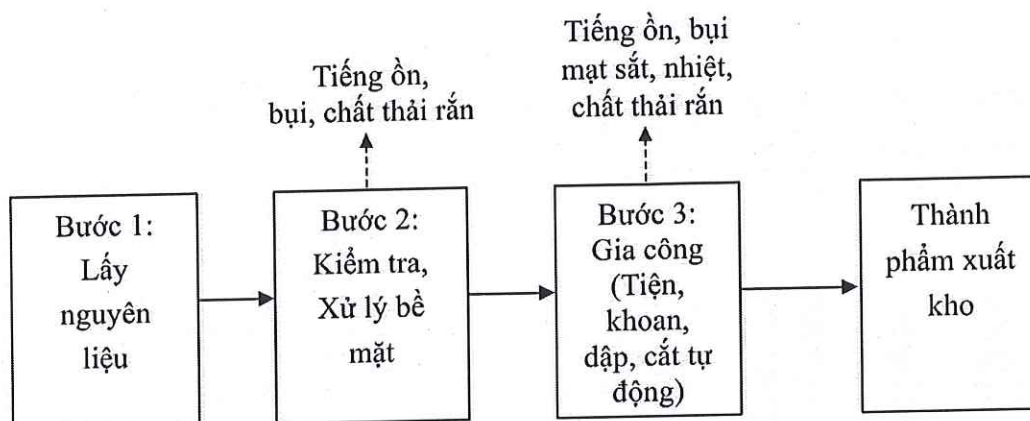
c. Các sản phẩm của dự án

Bảng 2: Danh sách sản phẩm của dự án

STT	Tên sản phẩm	Hình minh họa
1.	Trạm trộn bê tông (phần cơ khí)	
2.	Trạm thu hồi và tái chế bê tông (phần cơ khí)	
3.	Vỏ máy biến áp	

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

Quy trình sản xuất, gia công các sản phẩm như sau:



Thuyết minh quy trình:

Bước 1: Chuẩn bị và nhập nguyên vật liệu, kiểm tra xử lý bề mặt. Quản đốc đề nghị thủ kho xuất nguyên vật liệu để sản xuất, gia công theo từng ngày căn cứ vào số lượng và chủng loại hàng hóa cần sản xuất hoặc gia công. Nguyên liệu được kiểm tra để phù hợp với sản phẩm cần gia công, sau đó được đưa vào xử lý bề mặt. Các máy đánh ri cầm tay, các máy đánh ri được gắn giấy giáp hoặc bàn chải bằng thép ở đầu. Đối với các vị trí không thể dùng máy đánh ri thì sẽ dùng các công cụ như giấy giáp hoặc bàn chải sắt để đánh. Chủ dự án không sử dụng tro, nước và hóa chất để tẩy rửa.

Bước 2: Thực hiện gia công, chế tạo sản phẩm. Vật liệu sau khi xử lý được đưa vào gia công bằng các máy cắt, máy tiện, máy phay và hàn để tạo hình và lắp ghép. Công nhân thực hiện lắp trình, vận hành và kiểm soát máy để tạo ra các chi tiết có kích thước phù hợp, sau đó lắp ghép và hàn thành các sản phẩm tùy theo yêu cầu của khách hàng.

Bước 3: Kiểm tra và nhập kho thành phẩm. Sản phẩm sau khi gia công, lắp ghép và hoàn thiện được kiểm tra chất lượng, kích thước và độ phù hợp với yêu cầu của khách hàng. Hàng hóa đạt chất lượng sẽ được nhập kho thành phẩm trước khi giao hàng cho khách hàng.

d. Danh sách máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất

Bảng 3: Danh sách máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất

STT	Tên gọi	Số lượng	Nơi sản xuất
1.	Máy tiện FUKUMO D1600 (TS) – No: 508	01	Nhật Bản
2.	Máy tiện NISSIN Dm17-125 (TS) – No: GFN-3030	01	Nhật Bản
3.	Máy phay giường DP130W (TS) – No: 1273	01	Nhật Bản
4.	Máy phay CNC VMC-1400 (TS) – No: 12524	01	Nhật Bản

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

5.	Hệ thống máy cắt Fiber Laser CNC 30140GT 6KW	01	Việt Nam
6.	Hệ thống máy cắt thép hình Fiber Laser CNC – No: 260507-017	01	Trung Quốc
7.	Máy nén khí trục vít VL-75A (TS) – No: AB751112079	01	Nhật Bản
8.	Máy nén khí VA-80 – No: VA 211421	01	Nhật Bản
9.	Máy nén khí VA-80 (MNK02.SPM) – No: A15K013	01	Nhật Bản
10.	Máy nén khí VA-80 (CE2) – No: VA3190264	01	Nhật Bản
11.	Máy nén khí SVP-203 – No: 15050123	01	Nhật Bản
12.	Máy hàn CO2 YJ500RX (TS) – No: 1501300046	01	Trung Quốc
13.	Máy hàn CO2 YJ-500RK (TS) – No: 103TST011	01	Trung Quốc
14.	Máy hàn CO2 YJ-500RX (TS) – No: 150140002	01	Trung Quốc
15.	Máy hàn CO2 YJ-500RX (TS) – No: 150140003	01	Trung Quốc
16.	Máy hàn TIG WS400 - JASIC (W2311) – GB/T15579.1	01	Trung Quốc
17.	Cầu trục 10T Dầm đôi (TS) – No: 6019	01	Hungary
18.	Cầu trục 5T Dầm đơn (TS)	01	Hàn Quốc
19.	Cầu trục 10/3T Dầm đôi (TS)	01	Hàn Quốc
20.	Cầu trục 5T Dầm đôi (TS)	01	Hàn Quốc
21.	Cầu trục 5T KĐD5800C-H12 – No: 1104-2/KCS	01	Việt Nam
22.	Cầu trục 15T Dầm đôi – No: 11024-1/A?KCS	01	Việt Nam
23.	Cầu trục 5T KĐD5800C-H12 – No: E24158	01	Việt Nam
24.	Ô tô cần trục Kato MR-30M (TS) – No: 7315647	01	Nhật Bản
25.	Xe nâng FD25T-2 2,5 tấn (CH2) – No: 35129	01	Nhật Bản

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của dự án đầu tư, cơ sở:

a. Loại nước thải (sinh hoạt, công nghiệp), khối lượng nước thải từng loại phát sinh hoặc dự kiến phát sinh và quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng.

Nước thải của dự án phát sinh từ 2 nguồn: Nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn. Dự án không phát sinh nước thải công nghiệp.

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

★ Nước thải sinh hoạt:

- Với số lượng cán bộ, công nhân viên làm việc tại Dự án khoảng 108 người. Trung bình mỗi người sử dụng 100 lít nước/ngày. Tổng cộng khoảng 11 m³/ngày.
- Lượng nước thải sinh hoạt: được tính bằng 80% lượng nước cấp.
- Nước thải sinh hoạt của dự án phát sinh chủ yếu từ khu vực nhà vệ sinh được đặt tại khu văn phòng và khu nhà xưởng, nước thoát sàn,... có chứa hàm lượng cao các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng, chất dinh dưỡng và vi trùng. Nước thải sinh hoạt mang theo 1 lượng lớn chất hữu cơ, nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅) thường dao động trong khoảng từ 562.5mg/l – 675mg/l. Nước thải sinh hoạt còn kéo theo một lượng lớn các loại vi khuẩn (E. Coli, Virus các loại, trứng giun sán) sẽ là nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận nước thải. Ngoài ra nước thải còn chứa một loạt các chất dinh dưỡng khác như NH₄⁺, PO₄³⁻.

Dự án có Bể tự hoại nhằm giảm thiểu các chất gây ô nhiễm loại này. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại sẽ thoát vào hệ thống nước thải chung của KCN đảm bảo đạt tiêu chuẩn cho phép của KCN Quang Minh.

★ Nước mưa chảy tràn:

Lượng nước mưa chảy tràn qua dự án trong giai đoạn hoạt động khoảng 0.09m³/s trong trường hợp mưa lớn với cường độ 200 mm/giờ liên tục trong 2 giờ. Thông thường nước mưa chảy tràn sẽ kéo theo các chất ô nhiễm trên mặt đất. Tính chất ô nhiễm trong trường hợp này là bị ô nhiễm cơ học (đất, cát, rác), ô nhiễm hữu cơ, ô nhiễm chất dinh dưỡng, ô nhiễm dầu mỡ,... Theo số liệu thống kê của Tổ chức y tế thế giới (WHO) thì nồng độ các chất ô nhiễm nước mưa chảy tràn thông thường khoảng 0.5-1.5 mgN/L; 0.004-0.03mgP/L; 10-20mg COD/L và 10-20mgTSS/L. Nếu so sánh các số liệu này với quy chuẩn nước mặt (QCVN 08:2023/BTNMT) thì nước mưa chảy tràn tương đối sạch.

★ Nước thải công nghiệp:

Dự án không phát sinh nước thải công nghiệp trong quá trình hoạt động, sản xuất.

b. Nguồn và lưu lượng khí thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh và quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng.

★ Nguồn khí thải phát sinh:

- Từ hoạt động của quá trình vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm (Khí thải của các phương tiện cơ giới như: Bụi, SO₂, CO, NO_x, VOC).
- Từ quá trình bốc xếp nguyên vật liệu, thành phẩm, phát sinh bụi.

Khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án được kiểm soát nhằm bảo đảm chất lượng không khí xung quanh đáp ứng QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí và khí thải công nghiệp (nếu thuộc đối tượng áp dụng) đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT.

★ Tải lượng các chất ô nhiễm:

- Khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông phục vụ vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm cho dự án.

Đối tượng bị tác động: Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông sẽ ảnh hưởng đến

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

môi trường không khí, sức khỏe công nhân, người dân khu vực dự án và dọc đường vận chuyển.

Bảng 4: Tổng hợp tải lượng khí thải, bụi, phát sinh do các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm trong quá trình hoạt động công ty.

Loại xe	Đơn vị (U)	Bụi (kg/U)	SO ₂ (kg/U)	Nox (kg/U)	CO (kg/U)	VOC (kg/U)
---------	------------	------------	------------------------	------------	-----------	------------

Hệ số ô nhiễm

Động cơ Diesel 3.5 -16 tấn (Xe chạy ngoài thành phố)	1000 KM	0.9	4.15S (2*)	14.4	2.9	0.8
--	---------	-----	------------	------	-----	-----

Tải lượng ô nhiễm

Động cơ Diesel 3.5 -16 tấn (Xe chạy ngoài thành phố)	Tháng	1.26	0.28	20.16	4.06	1.12
--	-------	------	------	-------	------	------

(Nguồn: WHO, *Rapid inventory technique in environment control*, 1993; Ghi chú: S: Phần trăm khối lượng lưu huỳnh trong dầu lấy bằng 0.05%)

Với tải lượng khí thải và bụi như trên, các phương tiện vận chuyển sẽ là nguồn thải di động, phát tán bụi, SO₂, Nox, CO, VOC ra dọc đường vận chuyển. Tuy nhiên, số lượt xe vận chuyển không nhiều, đây là nguồn phát sinh động, không gian chịu tác động rộng, thoáng nên mức độ tác động không lớn. Đồng thời, mức độ tác động còn phụ thuộc vào chất lượng đường xá, lưu lượng xe qua lại.

- Bụi phát sinh trong quá trình bốc dỡ nguyên liệu, sản phẩm, kiểm tra sản phẩm, nhập kho: Hoạt động bốc dỡ nguyên vật liệu tuy phát sinh bụi nhưng không diễn ra thường xuyên, liên tục trong nhiều ngày, mặt khác lượng bụi này phát tán rất nhanh vào không khí vì vậy ảnh hưởng của chúng tới môi trường và sức khỏe người lao động là không đáng kể.
- Bụi phát sinh từ quá trình sản xuất: số lượng phát sinh không nhiều, bên cạnh đó bụi có tỷ trọng lớn ($d=7-8$) nên chỉ tồn tại xung quanh nguồn gây bụi như các máy cắt, máy tiện, máy phay và hàn ... nên có thể được khắc phục bằng cách trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động, đồng thời, thu gom, quét dọn ngay sau khi hoàn thành công việc.
- Khí thải trong công đoạn hàn: Dự án sử dụng công nghệ hàn CO₂ và TIG. Khí thải phát sinh từ quá trình hàn chủ yếu là khói hàn, bụi kim loại (Fe, Mn...), CO, NO_x và một lượng nhỏ ozone hình thành do hồ quang điện. Lượng khí thải phát sinh không lớn và hướng của khí thải trong quá trình hàn tới môi trường không khí xung quanh không đáng kể mà chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động làm việc tại vị trí hàn và gần khu vực hàn nên có thể được kiểm soát bằng thông gió tự nhiên và khắc phục bằng cách trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động.

c. Loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hoặc dự kiến phát sinh.

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hằng ngày của công nhân viên, Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt là không đáng kể, ước tính tối đa 80 kg/ngày.

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom, phân loại ngay tại nơi phát thải và lưu trữ tại khu riêng để chuyển giao lại cho cơ sở xử lý chất thải sinh hoạt đã ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt với Công ty.

d. Loại và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh hoặc dự kiến phát sinh.

Ước tính lượng chất thải rắn công nghiệp của dự án bao gồm mặt sắt, vẩy sắt, phế thép, thải ra khoảng 100 -150 kg/tháng.

Toàn bộ lượng chất thải rắn công nghiệp sẽ được thu gom, phân loại ngay tại nơi phát thải và lưu trữ tại khu riêng để chuyển giao lại cho cơ sở thu gom tái chế hoặc cơ sở xử lý chất thải công nghiệp đã ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp với Công ty.

e. Loại và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh hoặc dự kiến phát sinh.

Ước tính chất thải nguy hại của Công ty được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 5: Khối lượng chất thải nguy hại trung bình tối đa ước tính

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Số lượng
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ thải	Rắn	10 kg/tháng
2	Dầu thải	Rắn	17 lít/tháng
3	Vỏ thùng đựng sơn, dầu	Rắn	30 kg/tháng
4	Phoi tiện dính dầu	Rắn	600 kg/tháng
5	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	0,5 kg/tháng

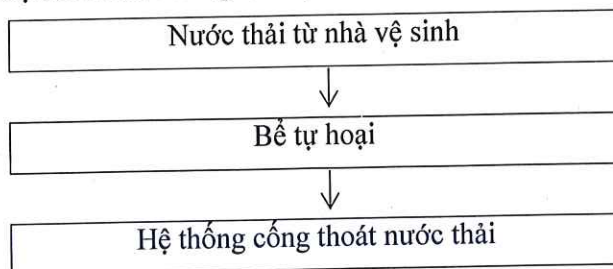
4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án đầu tư, cơ sở:

a. Phương án thu gom, quản lý, xử lý nước thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh và quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng.

★ Đối với nước thải sinh hoạt:

Toàn bộ nước thải từ nhà vệ sinh, nước thoát sàn sẽ được thu gom bằng các đường ống nhánh D50, sau đó thoát vào bể tự hoại và xử lý sơ bộ. Nước thải sau bể tự hoại được dẫn ra các hố ga lắng cặn, sau đó thoát ra hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp.

Công ty đã ký Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 106/2018/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018 với Công Ty TNHH Đầu Tư & Phát Triển Hạ Tầng Nam Đức để đấu nối và xử lý nước thải cho toàn bộ diện tích nhà xưởng của dự án.



Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở



Hệ thống thu gom nước thải KCN

Bể tự hoại có 2 chức năng đồng thời: Lắng và phân hủy yếm khí cặn lắng với hiệu suất xử lý đạt 60-65%. Ở mỗi ngăn có chức năng riêng biệt. Các chất hữu cơ và cặn lắng trong bể tự hoại dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí sẽ dễ bị phân hủy, một phần tạo ra các khí và các chất vô cơ hòa tan. Nước thải đảm bảo đạt theo tiêu chuẩn thỏa thuận với Khu công nghiệp trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Minh.

Ngoài ra để nâng cao hiệu quả xử lý nước thải của bể tự hoại dự án còn thường xuyên thực hiện một số biện pháp sau:

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống đường dẫn nước thải. Kiểm tra phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời.
- Tránh không để rơi vãi hóa chất, dung môi hữu cơ, xăng dầu, xà phòng xuống bể tự hoại. Các hóa chất này làm thay đổi môi trường sống của các vi sinh vật, do đó làm giảm hiệu quả xử lý của bể tự hoại.

Quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng: Nước thải được quản lý theo yêu cầu tiếp nhận của hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Quang Minh và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

* Đối với nước mưa chảy tràn

Nước mưa chảy tràn được thu gom theo bề mặt cơ sở chảy về hệ thống thu gom và thoát nước mưa của chủ nhà xưởng. Công ty cũng thường xuyên quét dọn tránh trường hợp ứ đọng rác thải cuốn theo nước mưa vào hệ thống thoát nước.

Quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng: Hệ thống thu gom nước mưa được vận hành tách biệt với hệ thống thu gom nước thải, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

b. Phương án thu gom, quản lý, xử lý khí thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh và quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng.

- Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động giao thông ra vào của các phương tiện:
 - + Đề xuất biện pháp quản lý giao thông như: Bố trí đường dẫn vào bãi đỗ xe hợp lý, phương tiện ra vào theo quy định và hướng dẫn của người quản lý.
 - + Tắt động cơ khi dừng đỗ xe quá 3 phút.
- Biện pháp không chế mùi từ khu vực bể tự hoại và khu tập kết chất thải:
 - + Công ty ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển chất thải đi xử lý định kỳ, tránh việc lưu trữ rác trong thời gian dài.
 - + Điểm tập kết rác được bố trí ở vị trí thông thoáng và ngăn cách với khu vực khác của dự án và được vệ sinh ngay sau khi thu gom rác.
 - + Các nắp cống, hố ga được đậy kín để tránh phát tán mùi hôi.
 - + Bố trí người thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu vực nhà vệ sinh và nơi lưu trữ rác thải

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

tạm thời.

- Biện pháp giảm thiểu tác động của hoạt động sản xuất, gia công, bao gồm bụi từ quá trình sản xuất, khí thải trong công đoạn hàn:
 - + Trang bị khẩu trang đạt tiêu chuẩn (than hoạt tính, ...) và mặt nạ phòng độc cho công nhân làm việc trong nhà máy và đặc biệt là công nhân làm việc tại các bộ phận phát sinh bụi nhiều như khu vực máy cắt, máy tiện, máy phay, máy khoan và hàn.
 - + Trang bị kính hàn cho công nhân khi hàn.
 - + Kết thúc ca làm việc, gi, bụi rơi vãi sẽ được công nhân quét dọn, thu gom vào vị trí quy định để tránh việc phát tán bụi.
 - + Các giai đoạn sản xuất được thực hiện lần lượt theo trình tự để tránh việc cộng hưởng của các chất ô nhiễm tại cùng 1 thời điểm.

Quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng: Khí thải và bụi phát sinh trong quá trình sản xuất được kiểm soát bảo đảm đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (được sửa đổi, bổ sung tại QCVN 19:2009/BTNMT theo Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT), trường hợp thuộc đối tượng áp dụng; chất lượng không khí xung quanh bảo đảm đáp ứng QCVN 05:2023/BTNMT.

c. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hoặc dự kiến phát sinh.

- Đối với rác thải có khả năng tái chế như giấy, vỏ lon, vỏ chai, ... cơ sở thu gom vào khu vực chứa chất thải, rác thải sinh hoạt tần suất 1 ngày/lần) và định kỳ chuyển giao lại cho các đơn vị tái chế.
- Đối với chất thải rắn thông thường khác phát sinh trong quá trình sinh hoạt của công nhân viên, cơ sở bố trí các thùng rác đạt tiêu chuẩn vệ sinh tại khu vực có khả năng phát sinh để thu gom toàn bộ. Sau mỗi ngày chuyển toàn bộ lượng rác thải này về khu vực chứa rác thải sinh hoạt để chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt. Công ty ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định hiện hành.

d. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh hoặc dự kiến phát sinh.

- Đối với chất thải rắn phát sinh từ quá trình sản xuất, cơ sở thu gom vào khu vực riêng và định kỳ chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp. Công ty ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định hiện hành.

e. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh hoặc dự kiến phát sinh.

- Chất thải nguy hại tại dự án được thu gom vào thùng kín riêng biệt, có nắp đậy, có tên, mã, biển báo đúng quy định tại khu vực lưu chứa chất thải của dự án. Công ty ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp, bao gồm cả chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển và xử lý theo quy định hiện hành. Định kỳ đơn vị có chức năng sẽ tới thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại và bàn giao các chứng từ chuyển giao chất thải nguy hại theo đúng quy định.

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

- Việc quản lý chất thải nguy hại được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường của chủ dự án:

Công ty cam kết:

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Công ty cam kết tuân thủ các quy chuẩn hiện hành về môi trường.
- Công ty cam kết thu gom, phân loại và duy trì hợp đồng với đơn vị vận chuyển để vận chuyển và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, theo đúng quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, nộp phí vệ sinh môi trường đầy đủ.
- Chủ nhà xưởng đã ký và Công ty cam kết sẽ yêu cầu chủ nhà xưởng duy trì hợp đồng dịch vụ nước thải với đơn vị có chức năng để xử lý nước thải cho dự án trong suốt thời gian hoạt động của dự án.
- Chủ đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường. Nếu để xảy ra sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thực hiện dự án, chủ đầu tư cam kết sẽ đền bù thỏa đáng cho đối tượng bị hại và khắc phục sự cố rủi ro môi trường do Dự án gây ra.
- Công ty cam kết thực hiện đầy đủ nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường được nêu trên đây.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội tiếp nhận đăng ký môi trường của Công ty Cổ phần xây dựng và thiết bị công nghiệp CIE1.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ
THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP CIE1**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Đình Lân

Mẫu số 47. Văn bản đăng ký môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

STT	Tên tài liệu	Hình thức
1.	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1.	Bản sao y chứng thực
2.	Hợp đồng cho thuê đất số B09/2008HĐTĐ/CIECorp-CIE1 ngày 08/09/2008 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1 và Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng & Thiết bị Công nghiệp.	Bản sao y dấu công ty
3.	Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 106/2018/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1 và Công Ty TNHH Đầu Tư & Phát Triển Hạ Tầng Nam Đức và các phụ lục	Bản sao y dấu công ty
4.	Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp số 091.24/HĐ/PM-CIE1 ngày 16/12/2024 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1 và Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina.	Bản sao y dấu công ty
5.	Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt số 055/2026/HĐVSMT/QM ngày 03/01/2026 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1 và Công ty Cổ phần Công trình đô thị Long Biên.	Bản sao y dấu công ty

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2500303038

Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 06 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 29 tháng 04 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP CIE1

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONSTRUCTION AND INDUSTRY EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY - CIE1

Tên công ty viết tắt: CIE1

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô 22+23, khu công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.38182859

Số Fax:

Thư điện tử: ctycie1@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 6.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: TẠ ĐÌNH LÂN

Giới tính: Nam

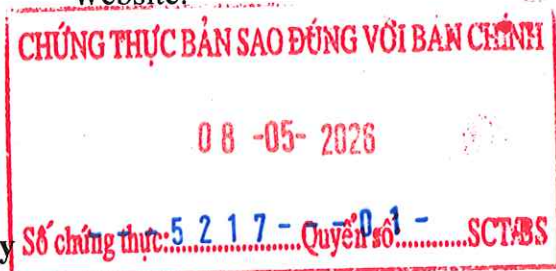
Ngày, tháng, năm sinh: 06/07/1971

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 033071001645

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: P209 C3 Tập thể Quân đội, ngõ 558 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



CÔNG CHỨNG VIÊN
Hoàng Văn Hùng

Trần Anh Đức

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Số:



GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP: Thành phố Hà Nội

Địa chỉ trụ sở: Khu liên cơ Vân Hồ - 52 Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 38248989 máy lẻ 191 Số Fax:

Thư điện tử: pdkktcdn_sotc@hanoi.gov.vn

Website: www.sotaichinh.hanoi.gov.vn

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP CIE1

Mã số doanh nghiệp: 2500303038

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	3290
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;	7110
3	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh máy và thiết bị xây dựng;	2824
4	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế chuyên giao công nghệ trong ngành máy và thiết bị công nghiệp;	7410
5	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt máy và thiết bị công nghiệp;	3320
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện tử, máy, thiết bị, dụng cụ và dây truyền công nghệ trong công nghiệp;	8299

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): TẠ ĐÌNH LÂN Điện thoại: 0913364287
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: PHẠM THỊ THU TRANG Điện thoại: 0982172418
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Lô 22+23, khu công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại: 02438182859 Fax: Email: ctycie1@gmail.com
4	Hình thức hạch toán: Hạch toán độc lập
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày 1/1 đến ngày 31/12
6	Tổng số lao động: 193
7	Phương pháp tính thuế GTGT: Khấu trừ

THÔNG TIN ĐỂ XÁC ĐỊNH CHỦ SỞ HỮU HƯỞNG LỢI

STT	Tên tổ chức	Ngày cấp	Mã số doanh nghiệp/số QĐ thành lập	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết
1	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP	01/10/1999	0100947309	Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội – Phòng Đăng ký kinh doanh	Tầng 19, tòa nhà Gelex, số 52, phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	54

Nơi nhận:

-CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP CIE1 . Địa chỉ:Lô 22+23, khu công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

-.....;

- Lưu: Nguyễn Thị Thủy.....

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trần Anh Đức



SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày... tháng... năm...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT

Số: B 09/2008/HĐTĐ/CIE Corp-CIE1

TỔNG GIÁM ĐỐC
Tạ Đình Lân

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 14 tháng 7 năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 1998, năm 2001 và năm 2003;
- Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-UB ngày 22/01/2003 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc cho Công ty cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (Nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp) thuê đất để xây dựng Nhà máy sản xuất các loại thiết bị chất lượng cao phục vụ thi công tại Khu công nghiệp Quang Minh-Mê Linh;
- Căn cứ hợp đồng thuê đất số 359/HĐ-TĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2003 ký giữa Sở Địa chính Vĩnh Phúc và Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp;
- Căn cứ Biên bản thoả thuận số: 17/2008/TTĐ ký ngày 02/07/2008 về việc thuê lại đất, thanh quyết toán các loại phí hạ tầng kỹ thuật và phí quản lý khu công nghiệp giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng & Thiết bị Công nghiệp với Công ty Cổ phần Xây dựng & thiết bị công nghiệp CIE1.
- Căn cứ phê duyệt của Hội đồng quản trị Công ty CIE Corp tại tờ trình số 15/TT-XD, ngày 08/9/2008 của Tổng giám đốc Công ty về việc đồng ý thông qua nội dung "Hợp đồng thuê lại đất" ký kết với Công ty cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1;
- Căn cứ phê duyệt của Hội đồng quản trị Công ty CIE1 tại tờ trình số 18/CIE1, ngày 08/9/2008 của Tổng giám đốc Công ty về việc đồng ý thông qua nội dung "Hợp đồng thuê lại đất" ký kết với Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp;

Hôm nay, ngày 08 tháng 09 năm 2008 tại trụ sở Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp(CIE Corp). Chúng tôi gồm:

Bên cho thuê lại đất (bên A): CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XD & THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

- Đại diện là: **Ông Hoàng Việt Hồng** Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ: Phường Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội
- Số điện thoại: 04.38544898 Fax: 04.35531433
- Tài khoản số: 102010000075976 tại NH Công thương Đống Đa - Hà Nội.
- Mã số thuế: 0100947309
- Giấy ĐKKD số: 056646 do Sở KH và ĐT Hà Nội cấp ngày 18/6/2008

Bên thuê lại đất (bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP CIE1.

- Đại diện là: **Ông Tạ Đình Lân** Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ: Lô 22+23- Khu Công nghiệp Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội
- Số điện thoại: 04.38182859 Fax: 04.38182977
- Tài khoản số: 102010000646620 tại Chi nhánh NH Công thương KCN Quang Minh
- Mã số thuế: 2500303038
- Giấy ĐKKD số: 0103026592 do Sở KH và ĐT Hà Nội cấp ngày 01/09/2008

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng thuê lại đất với các điều khoản sau:

Điều 1 Bên A cho Bên B thuê lại khu đất như sau:

- 1.1. Diện tích đất: 30.912 m² (*Ba mươi nghìn chín trăm mười hai mét vuông*)
Vị trí: Lô 22 +23, Khu Công nghiệp Quang Minh – Mê Linh – Hà Nội.
- 1.2. Loại đất: Đất công nghiệp
- 1.3. Thửa số: 717
- 1.4. Tờ bản đồ số: 51
- 1.5. Gianh giới thửa đất: Theo bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 do Công ty tư vấn xây dựng Vĩnh Phúc lập tháng 12-2002
- 1.6. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 480464 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 27/5/2003 .
- 1.7. Trên diện tích đất cho thuê lại: Bên A đã sử dụng khoảng 15000 m² để đầu tư xây dựng các công trình sau: Các nhà xưởng kết cấu thép, nhà điều hành, xưởng điện, trạm điện, trạm bơm và bể nước, đường giao thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật, kho bãi ngoài trời, sân vườn... Các công trình trên đã được công ty CIE Corp bàn giao cho công ty CIE1 quản lý, khai thác và sử dụng. Phần diện tích đất trống còn lại khoảng 15912 m² chưa được đầu tư xây dựng các công trình.

Điều 2 Hai bên nhất trí thực hiện các cam kết sau:

- 2.1. Thời hạn bên A cho bên B thuê lại đất là 35 năm kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2008 đến ngày 01 tháng 07 năm 2043
Giá tiền thuê đất tính cụ thể từng năm theo thông báo của cơ quan thuế, bắt đầu từ năm 2009, bên B phải trả cho bên A tiền thuê đất với giá thuê là: 69.423.200 đồng/năm. (*Bằng chữ: Sáu mươi chín triệu, bốn trăm hai ba nghìn, hai trăm đồng/năm.*)
- 2.2. Giá tiền thuê đất là giá theo quy định trong hợp đồng bên A ký với cơ quan quản lý đất đai của Nhà nước tại địa phương; Giá thuê đất được điều chỉnh, thay đổi theo quy định của Nhà nước tại từng thời điểm cụ thể trong thời gian thực hiện hợp đồng. Khi Nhà nước điều chỉnh giá thuê đất, các bên phải thanh toán tiền thuê đất theo các quy định của Nhà nước.
- 2.3. Thời điểm và phương thức thanh toán: Thời điểm thanh toán theo thông báo nộp tiền thuê đất của cơ quan thuế địa phương. Bên B có trách nhiệm thanh toán tiền thuê lại đất cho bên A từng kỳ theo thông báo thuế. Bên A có trách nhiệm thanh quyết toán với cơ quan thuế theo quy định.
Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng séc hoặc chuyển khoản.
- 2.4. Bên A bàn giao đất cho bên B theo đúng thời gian, hiện trạng và diện tích đã ghi trong hợp đồng.
- 2.5. Sử dụng đất đúng mục đích, đúng gianh giới.
- 2.6. Trả lại đất cho bên cho thuê lại đất khi hết hạn thuê, đúng diện tích, hiện trạng đã ghi trong hợp đồng.
- 2.7. Các cam kết khác:
 - 2.7.1. Trong thời gian thực hiện hợp đồng Bên B có trách nhiệm trả cho bên A phí sử dụng hạ tầng kỹ thuật, phí quản lý khu công nghiệp (các khoản phí này đã được bên A ký kết hợp đồng, thanh toán với Công ty TNHH đầu tư và phát

triển hạ tầng Nam Đức là nhà đầu tư xây dựng HTKT trong Khu công nghiệp Quang Minh); Mức phí cụ thể như sau:

+ Phí sử dụng hạ tầng: Bên B thanh toán cho bên A phí sử dụng hạ tầng là: 5.088.012.183 VNĐ/toàn bộ thời gian thuê (mức giá này đã bao gồm thuế VAT).

+ Phí quản lý khu công nghiệp: Bên B thanh toán cho bên A phí quản lý Khu công nghiệp với mức 0,1 USD/m²/năm (chưa bao gồm thuế VAT). Phí quản lý Khu công nghiệp được điều chỉnh theo quyết định của các cơ quan có liên quan hoặc điều chỉnh theo chu kỳ hai năm một lần, mỗi lần không quá +15% giá kỳ trước liền kề. Thanh toán phí quản lý khu công nghiệp bằng đồng Việt Nam trên cơ sở tỷ giá quy đổi của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam tại mỗi thời điểm thanh toán.

2.7.2. Bên B không được phép cho tổ chức hoặc cá nhân thuê lại đất mà bên B thuê của bên A.

2.7.3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, khi bên A hoặc bên B có nhu cầu đầu tư để nâng cao năng lực sản xuất theo dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền của bên A phê duyệt. Khi đó, Bên A hoặc bên B được quyền đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở và các công trình mới trên khu đất còn lại (phần đất quy định tại khoản 1.7 Điều 1) theo dự án được phê duyệt.

2.7.4. Khi hợp đồng còn hiệu lực thi hành. Nếu Bên B trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê lại trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên A trước ít nhất 06 tháng. Bên A trả lời Bên B trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên B. Hai bên thanh quyết toán và giải quyết hết các nội dung công việc liên quan về tài chính, các thủ tục hành chính và tiến hành bàn giao mặt bằng. Thời điểm kết thúc Hợp đồng tính từ ngày bàn giao mặt bằng.

2.7.5. Hợp đồng thuê lại đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn thuê lại đất mà không được gia hạn thuê tiếp.
- Bên A và/hoặc Bên B bị phá sản, bị phát mãi tài sản hoặc giải thể.
- Bên A bị cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền thu hồi đất do vi phạm các quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 3: Điều khoản chung

Hai bên hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng này.

Hai Bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong hợp đồng. Bên nào gây thiệt hại do không thực hiện hoặc vi phạm các thoả thuận trong hợp đồng thì Bên đó phải bồi thường thiệt hại cho bên còn lại theo quy định hiện hành của pháp luật. Hợp đồng này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
VÀ THIẾT BỊ
CÔNG NGHIỆP
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC
TS. Hoàng Việt Hồng

ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ
CÔNG NGHIỆP
CIEI
H. MÊ LINH - TP. HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC
Tạ Đình Lân

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....tháng.....năm.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trà Đình Lân

HỢP ĐỒNG
DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Số: 106 /2018/HĐ-XLNT

Được ký giữa:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC
KCN Quang Minh – Huyện Mê Linh, TP Hà Nội
(Bên cung cấp dịch vụ)

Và:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP CIE1
(Bên sử dụng dịch vụ)

- Hà Nội, Tháng 12/2018 -



HỢP ĐỒNG
CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
tại KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
Số: 106/2018/HĐ-XLNT

*** Căn cứ vào:**

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/06/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.
- Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 22/4/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành Điều lệ Khu công nghiệp Quang Minh;
- Căn cứ Quyết định số 3742/2004/QĐ-UB ngày 22 tháng 10 năm 2004 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc thành lập, phê duyệt dự án và giao Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Yêu cầu đầu nối, cung cấp dịch vụ XLNT của Bên sử dụng dịch vụ và khả năng của Bên cung cấp dịch vụ:

Hôm nay, ngày 15/12/2018, tại Văn phòng Công ty TNHH đầu tư và PTHT Nam Đức, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I/. CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC:

Địa chỉ: KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 35860478

Mã số thuế: 2500222438

Số tài khoản VNĐ: 031 0101 0834036

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa.

Đại diện: Ông Nguyễn Khắc Sơn

- Chức vụ: Giám đốc

(Sau đây được gọi tắt là Bên A)

II/. CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP CIE1

Địa chỉ: Lô 22+23, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 3818 2859

Mã số thuế: 2500303038

Số tài khoản: 102010000646620

Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh

Đại diện: Ông Tạ Đình Lân

- Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Sau đây được gọi tắt là Bên B)

*** Do vì:**

- Bên A là Chủ đầu tư KCN được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam với đầy đủ năng lực trong lĩnh vực xử lý nước thải, sẵn sàng cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải và các dịch vụ liên quan theo yêu cầu của Bên B.

- Bên B là doanh nghiệp hoạt động trong KCN Quang Minh có mong muốn được cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải.

- Các Bên đều hiểu rõ các quy định của pháp luật và UBND thành phố Hà Nội về công tác Bảo vệ môi trường tại KCN Quang Minh và cam kết chấp hành, thực hiện.

Sau khi thoả thuận, Bên A và Bên B thống nhất ký, thực hiện Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải (XLNT) tại KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với các điều khoản và điều kiện cụ thể dưới đây:

ĐIỀU 1. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG:

1.1 Đối tượng của Hợp đồng: Bên A nhận cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải do Bên B xả vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Quang Minh, đảm bảo xả thải vào nguồn nước tiếp nhận với chất lượng nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép.

1.2 Phạm vi thực hiện: Hoạt động cung cấp dịch vụ XLNT và xả nước thải của các bên được giới hạn trong KCN Quang Minh thuộc huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

ĐIỀU 2. ĐIỂM ĐẦU NÓI NƯỚC THẢI:

2.1 Điểm đầu nối nước thải từ hệ thống thu gom XLNT của Bên B vào hệ thống thu gom, XLNT của KCN là vị trí hố ga (do Bên A chỉ định) mà tại đó đường ống thoát nước thải của Bên B được nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

2.2 Điểm đầu nối do Bên A chỉ định theo thiết kế kỹ thuật của hệ thống để đảm bảo sự an toàn và vận hành của hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

ĐIỀU 3. KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI CỦA BÊN B XẢ VÀO HỆ THỐNG THU GOM, XLNT CỦA BÊN A:

3.1 Khối lượng nước thải: Khối lượng nước thải thu phí được tính bằng 80% khối lượng nước cấp mà Bên B sử dụng cho mục đích sinh hoạt và sản xuất.

- Trường hợp Bên B chỉ có nước thải sinh hoạt và dùng nước sạch tập trung thì lượng nước thải tính phí bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ. Trường hợp không dùng nước sạch tập trung thì Bên B phải lắp đặt đồng hồ đo nước thải.

3.2 Chất lượng nước thải: Nước thải của Bên B chỉ được xả vào nguồn tiếp nhận của KCN Quang Minh khi Bên B đã tự xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn cho phép tối thiểu đạt mức nước giá trị C Cột B theo QCVN 40: 2011/BTNMT (chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Hợp đồng này).

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B:

4.1 Được sử dụng dịch vụ thu gom, XLNT của Bên A theo quy định tại Hợp đồng này.

4.2. Thanh toán kịp thời, đầy đủ các chi phí sử dụng dịch vụ theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này;

4.3. Chịu trách nhiệm lấy mẫu nước thải và chi phí kiểm định khi cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành; tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng nước thải và cung cấp dịch vụ XLNT.

4.4. Thông báo cho Bên A bằng văn bản trong các trường hợp: thay đổi chất lượng nước

330
ÔNG
Ô P
NG
IG M
CI
VH

thải, thay đổi công nghệ sản xuất, tăng công suất nhà máy,...

4.5. Cung cấp cho Bên A sơ đồ hệ thống thoát nước (gồm cả nước mưa và nước thải) trong nội bộ nhà máy của Bên B để Bên A kiểm tra giám sát; xây dựng tách biệt giữa hệ thống thoát nước mưa với nước thải và không được để Bên thứ 3 đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Bên B.

4.6. Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, của KCN Quang Minh về công tác bảo vệ môi trường, việc đầu nối vào hệ thống thu gom thoát nước thải chung, sử dụng hạ tầng KCN và các quy định khác có liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ XLNT.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A:

5.1 Kinh doanh dịch vụ thu gom và XLNT theo quy định của pháp luật.

5.2 Bảo đảm khả năng đáp ứng nhu cầu XLNT của Bên B, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng dịch vụ XLNT cho Bên B;

5.3 Đảm bảo chất lượng dịch vụ XLNT theo các quy định hiện hành của Nhà nước và quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án KCN Quang Minh I

5.4 Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, của KCN về công tác Bảo vệ môi trường, về việc quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thu gom nước thải.

5.5 Yêu cầu Bên B thanh toán Phí xử lý nước thải và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về xử lý nước thải tại KCN Quang Minh I.

5.6 Khi nghi ngờ Bên B xả nước thải vượt quá quy chuẩn cho phép, Bên A có quyền lấy mẫu nước thải của Bên B tại bất kỳ thời điểm nào để xác định tính chính xác chất lượng nước thải của Bên B. Việc lấy mẫu nước thải được lập thành biên bản và kết quả được lấy làm cơ sở tính phí XLNT trong kỳ theo nội dung quy định trong Hợp đồng này.

5.7 Bên A có quyền kiểm tra giám sát hoạt động xả nước thải của Bên B vào hệ thống thu gom của KCN và yêu cầu Bên B xả nước thải đảm bảo chất lượng theo Hợp đồng XLNT đã ký.

ĐIỀU 6. PHÍ DỊCH VỤ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

6.1 Phí dịch vụ:

- Khối lượng nước thải để tính phí xác định theo khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng này.

- Trường hợp Bên B không sử dụng nước sạch do Nhà máy nước sạch Quang Minh cung cấp thì Bên B phải lắp đặt đồng hồ đo nước thải của Bên B. Khối lượng nước thải thu phí tính theo đồng hồ đo nước thải.

- Bên B sẽ thanh toán cho Bên A phí dịch vụ hàng tháng được tính như sau:

Phí dịch vụ = Đơn giá x Khối lượng nước thải do Bên A xử lý hàng tháng.

* Đơn giá dịch vụ XLNT: **12.000VNĐ/m³**

+ Giá trên áp dụng đối với nước thải có giá trị thông số và nồng độ các chất ô nhiễm nhỏ hơn hoặc bằng giá trị quy định tại Cột B QCVN 40: 2011/BTNMT.

+ Giá trên chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng (thuế VAT).

- Đơn giá XLNT có thể được điều chỉnh căn cứ sự biến động giá cả thị trường (điện nước, hoá chất, tiền lương, chính sách tiền tệ của Nhà nước...) với mỗi lần điều chỉnh không quá 15% theo giá kỳ trước liền kề. Khi điều chỉnh đơn giá bên A sẽ thông

báo trước cho bên B trong thời hạn 15 ngày. Thời gian điều chỉnh đơn giá tối thiểu là 1 năm và tối đa 2 năm.

- Cơ sở để xác định chất lượng nước thải áp dụng cho việc tính giá là Phiếu kết quả phân tích nước thải mới nhất của Bên B, bao gồm đủ các chỉ tiêu theo Phụ lục I của Hợp đồng (*Bản sao Phiếu kết quả phân tích nước thải là Phụ lục II đính kèm hợp đồng này*).

6.2 Phương thức thanh toán

(i) Bên B có trách nhiệm thanh toán phí dịch vụ cho Bên A trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày nhận được hoá đơn hàng tháng của Bên A (hoá đơn này được coi là thông báo thanh toán lần thứ nhất) vào tài khoản được chỉ định bởi Bên A hoặc tiền mặt tại Văn phòng của Bên A.

Nếu quá thời hạn năm (05) ngày nêu trên mà Bên B vẫn chưa thanh toán phí dịch vụ cho Bên A, Bên B có trách nhiệm thanh toán trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo lần 2 của Bên A;

(ii) Quá thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được giấy thông báo lần 2 của Bên A mà Bên B vẫn chưa thanh toán thì Bên A sẽ tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT và có quyền yêu cầu đơn vị cấp nước tạm ngừng cung cấp nước sạch cho đến khi Bên B thanh toán đầy đủ phí sử dụng dịch vụ XLNT theo giấy báo;

(iii) Kể từ ngày Bên B thanh toán đầy đủ phí dịch vụ cho Bên A, Bên A sẽ mở van xả thải cho Bên B để Bên B được xả nước thải vào hệ thống XLNT của Bên A. Khi đó, Bên B sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên A toàn bộ chi phí phát sinh từ về việc đóng/mở van cấp nước/thoát nước và các vật tư phát sinh sử dụng trong quá trình trên (nếu có) theo bảng chiết tính của Bên A cũng như tiền lãi tính trên số phí dịch vụ mà Bên B thanh toán chậm kể từ ngày quá thời hạn 03 ngày nêu tại mục (ii) ở trên với mức lãi suất quá hạn bằng 20%/năm cho toàn bộ thời gian chậm thanh toán.

ĐIỀU 7. CÁC TRƯỜNG HỢP NGỪNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THU GOM, XLNT:

7.1 Khi Bên B vi phạm các quy định về xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN nhưng chưa gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và hệ thống thu gom xử lý nước thải của KCN, Bên A sẽ có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu Bên B khắc phục. Sau 05 ngày kể từ ngày phát hành thông báo lần thứ nhất mà Bên B không chấp hành thì Bên A sẽ ra thông báo nhắc nhở lần hai. Hết thời hạn 05 ngày của thông báo lần 2 mà Bên B vẫn không chấp hành thì Bên A được quyền tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT theo thoả thuận đã được quy định trong Hợp đồng này.

7.2 Trường hợp nước thải của Bên B xả vào hệ thống thu gom của KCN vượt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT, Bên A sẽ lập biên bản yêu cầu Bên B khắc phục để đảm bảo nước thải đạt mức nước Cột B và Bên B phải thanh toán chi phí phân tích mẫu nước thải và phí XLNT theo đơn giá **24.000đ/m³** đối với khối lượng nước thải xả vào hệ thống thu gom của KCN từ thời điểm chốt số kỳ trước đến thời điểm nước thải của Bên B đạt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Bên A lập biên bản đối với hành vi vi phạm; đồng thời Bên B phải chịu phạt với mức phạt bằng 50% tổng số tiền Bên B thanh toán phí XLNT trong kỳ. Quá thời hạn trên, Bên A sẽ yêu cầu đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch và tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên A có quyền kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải của Bên B và Bên B có trách nhiệm cung cấp kết quả phân tích mẫu nước thải định kỳ theo kết quả quan trắc môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) của Bên B với cơ quan chức năng cho Bên A.

7.3 Khi Bên B vi phạm các quy định về xả nước thải có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và hệ thống thu gom và xử lý nước thải chung, Bên A tiến hành lập biên bản và yêu cầu Bên B phải khắc phục ngay các sai phạm. Trường hợp Bên B không chấp hành yêu cầu của Bên A, Bên A sẽ ngừng ngay việc cung cấp dịch vụ XLNT và đề nghị đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch.

7.4 Trường hợp Bên B vi phạm các quy định về xả thải gây hậu quả nghiêm trọng thì tùy theo mức độ có thể bị truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7.5 Dịch vụ XLNT sẽ được khôi phục sau khi Bên B đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi phạm gây ra, và hoàn thành các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

7.6 Khi tiến hành xúc tiến các công tác sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom và Nhà máy XLNT, Bên A sẽ có văn bản thông báo cho Bên B biết lý do, thời gian tiến hành các công tác trên; đồng thời Bên A sẽ có biện pháp thích hợp tạm thời nhằm hạn chế các tác động gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Bên B và ô nhiễm môi trường.

ĐIỀU 8. THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 15/12/2018 đến ngày 15/12/2022 và có thể được gia hạn theo thỏa thuận của các Bên.

ĐIỀU 9. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG:

9.1 Hợp đồng này có thể được các Bên sửa đổi/bổ sung bằng văn bản. Việc sửa đổi/bổ sung sẽ được tiến hành theo hình thức Hợp đồng sửa đổi/bổ sung hoặc phụ lục của Hợp đồng và là một phần không tách rời của Hợp đồng này;

9.2 Hợp đồng này sẽ hết hiệu lực trong những trường hợp sau:

- (i) Hết thời hạn của Hợp đồng mà không được gia hạn; hoặc
- (ii) Các Bên đồng ý bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng này.

ĐIỀU 10. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác giữa các Bên. Trong trường hợp các Bên không thể giải quyết thông qua hoà giải, một trong hai Bên có thể đưa tranh chấp ra Toà án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết tranh chấp. Quyết định của Toà án có hiệu lực thi hành đối với cả hai bên và án phí do bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 11. CHỐNG GIAN LẬN VÀ HỐI LỘ:

11.1. Bên B cam kết và đảm bảo rằng bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho Bên B hoặc được Bên B chỉ định (gọi chung là “**Người Của Bên B**”) liên lạc, giao dịch, làm việc với Bên A sẽ không (i) hối lộ và/hoặc hứa hẹn đưa các khoản hối lộ, giảm giá, trích thưởng, khoản tiền gây ảnh hưởng hoặc khoản báo đáp bất hợp pháp hoặc bất kỳ các tài sản bằng tiền hoặc hiện vật hoặc lợi ích nào (gọi chung là “**Hối Lộ**”), cho bất kỳ đại diện nào của Bên A (gọi chung là “**Người Của Bên A**”) hoặc thông qua bất kỳ Bên Thứ Ba nào để Hối Lộ Người Của Bên A nhằm đạt được lợi ích riêng như được ưu tiên ký Hợp Đồng với Bên A một cách không minh bạch, được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng, và /hoặc các lợi ích không minh bạch, không công bằng khác.

11.2. Bên A cam kết và đảm bảo rằng Người Của Bên A sẽ không đòi hỏi Hối Lộ hoặc có những hành vi chủ quan (cá nhân, cảm tính, vô trách nhiệm, ...) nhằm cản trở, gây khó khăn cho Người Của Bên B trong việc thực hiện Hợp Đồng (gọi chung là “**Gian Lận**”).

11.3. Các hành vi Hối Lộ và Gian Lận theo quy định tại Điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp Đồng này. Trường hợp bất kỳ Người Của Bên B nào nhận thấy bất cứ Người Của Bên A nào có biểu hiện, hành vi đòi Hối Lộ và/hoặc Gian Lận thì Bên B có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên A theo địa chỉ email: thanhtra@tng-holdings.vn.

11.4. Bên B sẽ miễn trừ cho Bên A mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi Hối Lộ của Bên B vi phạm pháp luật Việt Nam và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Hối Lộ của Bên B.

ĐIỀU 12. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH:

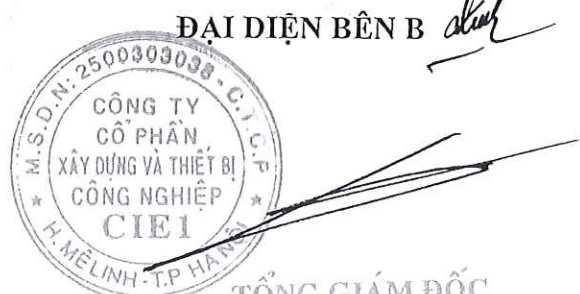
12.1. Các Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều quy định trong Hợp đồng này. Bên nào vi phạm sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật;

12.2. Hợp đồng gồm sáu (06) trang, mười hai (12) điều, được lập thành ba (03) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản làm cơ sở thực hiện.

12.3. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày các bên ký, đóng dấu xác lập.



Nguyễn Khắc Sơn



Lê Đình Lân



Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2018

PHỤ LỤC I

**GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ VÀ NỒNG ĐỘ CÁC CHẤT Ô NHIỄM
TRONG NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP THEO GIÁ TRỊ C CỘT B QCVN 40: 2011/BTNMT)
“Kèm theo Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ XLNT Số 106 /2018/HĐ-XLNT”**

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C	
			Cột A	Cột B
1	Nhiệt độ	oC	40	40
2	Màu	Pt/Co	50	150
3	pH	-	6 đến 9	5,5 đến 9
4	BOD5 (20oC)	mg/l	30	50
5	COD	mg/l	75	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	100
7	Asen	mg/l	0,05	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,005	0,01
9	Chì	mg/l	0,1	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,05	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,05	0,1
12	Crom (III)	mg/l	0,2	1
13	Đồng	mg/l	2	2
14	Kẽm	mg/l	3	3
15	Niken	mg/l	0,2	0,5
16	Mangan	mg/l	0,5	1
17	Sắt	mg/l	1	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,07	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,1	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	10
21	Sunfua	mg/l	0,2	0,5
22	Florua	mg/l	5	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	10
24	Tổng nitơ	mg/l	20	40
25	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	4	6

26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	500	1000
27	Clo dư	mg/l	1	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05	0,1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,3	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,003	0,01
31	Coliform ✓	vi khuẩn/100ml	3000	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	1,0

✓

30
T
A
T
H
I
P

U
C
U
*

U
C
U
*

lưu VI DS

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày tháng năm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quang Minh, ngày 03 tháng 01 năm 2026

**HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN
RÁC THẢI SINH HOẠT**

Số: 055/2026/HĐVSMT/QM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tạ Đình Lân

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Căn cứ Quyết định số 87/2025/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND thành phố Hà Nội về ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số: 436/QĐ-BQLDA ngày 29/12/2025 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng xã Quang Minh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng Gói thầu số 4: Duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Quang Minh giai đoạn 2026 ÷ 2028 (03 năm) thuộc dịch vụ sự nghiệp công: Duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Quang Minh giai đoạn 2026 - 2028 (03 năm).

- Căn cứ Quyết định số 4996/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 – 2027.

- Chức năng nhiệm vụ nhu cầu và khả năng thực hiện của các bên,

Hôm nay, ngày 03 tháng 01 năm 2026, tại Công ty cổ phần công trình đô thị Long Biên, chúng tôi đại diện hợp pháp của:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ TB CÔNG NGHIỆP CIE 1

- Người đại diện: ông **Tạ Đình Lân** - Chức vụ: Tổng giám đốc

- Địa chỉ: Lô 22+23 KCN Quang Minh, Xã Quang Minh, thành phố Hà Nội

- Mã số thuế: 2500303038



BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ LONG BIÊN

- Người đại diện là: Ông *Nguyễn Tiến Dũng* - Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ: Số 90, Phố Kê Tạnh, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 0243.8756817 Fax: 043.8756817
- Mã số thuế: 0104267103
- Số tài khoản: 22 222 238 222
- Mở tại: Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội

Các bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ với các nội dung cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG.

1.1. Nội dung công việc

- Bên A và Bên B cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt do Bên A là chủ nguồn thải.

- Đối tượng hợp đồng không bao gồm: chất thải nguy hại, chất thải y tế, đất thải, phế thải xây dựng,.....

1.2. Phương thức thực hiện:

- Bên A trang bị đầy đủ dụng cụ lưu chứa rác hợp vệ sinh và phù hợp với phương tiện thu gom, vận chuyển rác hàng ngày của đơn vị duy trì.

- Bên A phân loại rác thải sinh hoạt đảm bảo không lẫn các loại như: chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế, đất thải, phế thải xây dựng,.....

- Bên B sử dụng phương tiện thu gom rác theo phương án cơ giới hóa thu gom, vận chuyển rác trên địa bàn xã Quang Minh đã được phê duyệt tiếp nhận rác từ các dụng cụ lưu chứa rác của Bên A để vận chuyển.

- Tần suất thực hiện: 02 lần/ tuần

ĐIỀU 2. ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG.

- Thời gian thực hiện: Bắt đầu từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026

- Địa điểm thực hiện tại Lô 22+23 KCN Quang Minh, Xã Quang Minh, thành phố Hà Nội

ĐIỀU 3. LOẠI HỢP ĐỒNG, GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

3.1 Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

3.2 Giá trị hợp đồng: Đơn giá theo Quyết định số 4996/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của UBND thành phố Hà Nội, giá trên chưa bao gồm thuế VAT

TT	Nội dung	Thành tiền (đồng)
1	Giá trị hợp đồng/tháng	1.000.000
2	Giá trị hợp đồng/ năm	12.000.000

(Giá trị trên chưa bao gồm thuế VAT, thuế xuất sẽ theo từng thời điểm do nhà nước quy định)

3.3 Phương thức thanh toán:

- Bên A thanh toán cho Bên B: hàng quý (3 tháng 1 lần)
- Thời gian thanh toán: Bên A thanh toán 100% giá trị thực hiện cho bên B trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên A nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán. Quá thời hạn thanh toán trên bên A chưa thanh toán thì bên A phải chịu chi phí nợ quá hạn là 2%/tháng cho số tiền chậm trả và bên B có quyền tạm dừng thực hiện hợp đồng.
- Chứng từ thanh toán: Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, đề nghị thanh toán và hóa đơn tài chính.
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt/chuyển khoản. Bên A chịu mọi loại chi phí chuyển khoản.
- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 Quyền và trách nhiệm của Bên A

- Trang bị đầy đủ dụng cụ lưu chứa rác hợp vệ sinh và phù hợp với phương tiện thu gom, vận chuyển rác hàng ngày của đơn vị duy trì.
- Hàng ngày có trách nhiệm đổ rác thải sinh hoạt lên phương tiện thu gom của đơn vị duy trì hoặc đưa rác ra các điểm tập kết rác theo quy định, tự bảo quản và vệ sinh dụng cụ lưu chứa rác.
- Bổ sung giá trị hợp đồng khi có khối lượng phát sinh ngoài khối lượng đã ký kết trong hợp đồng.
- Thanh toán đầy đủ kinh phí và đúng thời gian cho Bên B như đã thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng này.
- Phối hợp với Bên B giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

4.2 Quyền và trách nhiệm của Bên B

- Được thanh toán theo hợp đồng trên cơ sở giá trị đã được các bên thống nhất.

38-
Y
N
HIỆT
HIỆP
P H A

3036
TY
HÀN
A THIẾT
GHIẾP
E I
T.P.H

- Từ chối không thu gom, vận chuyển nếu phát hiện rác thải sinh hoạt lẫn các loại: chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế, đất thải, phế thải xây dựng,.....

- Ngừng cung cấp dịch vụ nếu Bên A không nộp tiền hoặc chậm thanh toán theo điều 3 của hợp đồng, không thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng.

- Xuất đầy đủ hóa đơn, chứng từ làm cơ sở thanh toán- Phối hợp với Bên A giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Bố trí lao động, phương tiện thực hiện thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt theo đúng phương án cơ giới hóa công tác thu gom, vận chuyển rác đã được phê duyệt hoặc từ điểm tập kết theo quy định về bãi xử lý.

- Chịu trách nhiệm về an toàn lao động, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường trong quá trình vận chuyển rác thải sinh hoạt về bãi xử lý.

ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

- Các bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Đơn giá và giá trị hợp đồng có thể được tăng/giảm khi UBND Thành Phố Hà Nội điều chỉnh, sửa đổi quy định về thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường trên địa bàn Hà Nội. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có sự điều chỉnh về khối lượng và đơn giá, bất kỳ sửa đổi, bổ sung đối với hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản và được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của hai bên.

- Sau khi hết thời hạn hợp đồng nếu 2 bên không có văn bản gì bổ sung thì hợp đồng tự động gia hạn thêm 01 năm nữa.

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký, được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản làm cơ sở để triển khai thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Đình Lân

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Dũng